A blue book with a ring around it

Description automatically generated

**ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG QUẢN LÍ PHÒNG MẠCH TƯ**

**Môn học: Công Nghệ Phần Mềm**

**GVHD: Dương Hữu Thành**

**Lớp: ĐH22 – IT02**

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số nhóm: 25 | |
| Tên thành viên | **Mã số sinh viên** |
| Võ Văn Huy | **2251052047** |
| Đỗ Phương Huy | **2251052041** |
| Phạm Hữu Hưng | **2251052029** |

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Mục Lục**

[Chương I. Lược đồ use case và đặc tả use case (chọn 4 nghiệp vụ quạn trọng nhất). 1](#_Toc180526555)

1. Lược đồ use case và đặc tả use case (chọn 4 nghiệp vụ quạn trọng nhất).
   1. Lược đồ use case

A diagram of a person's relationship

Description automatically generated

* 1. Đặc tả nghiệp vụ
     1. Đăng kí khám online

|  |  |
| --- | --- |
| Id | UC 001 |
| Tên UC | Đăng kí khám online |
| Vắn tắt | UC đăng kí khám được bệnh nhân sử dụng để đăng kí lịch khám tại nhà hay bất cứ đâu |
| Actor chính | Bệnh nhân |
| Actor phụ | Twillio |
| Tiền điều kiện | * Bệnh nhân phải đăng nhập vào tài khoản hoặc đăng kí nếu chưa có tài khoản |
| Hậu điều kiện | * Bệnh nhân được đưa vào danh sách chờ khám * Hệ thống sẽ gửi thông báo xác nhận lịch khám quan SMS |
| Luồng hoạt động chính | 1. Uc này bắt đầu khi bệnh nhân ấn vào nút “Đăng kí khám”. 2. Hệ thống sẽ yêu cầu bệnh nhân nhập những thông tin cần thiết ( triệu chứng, … ) 3. Chọn bác sĩ, ngày giờ khám phù hợp 4. Hệ thống kiểm tra lịch trống của bác sĩ 5. Nếu có lịch trống hiển thị thông tin lịch khám 6. Bệnh nhân kiểm tra thông tin và nhấn “Xác nhận đăng kí” |
| Luồng hoạt động thay thế | 2.1 TH: không nhập đủ thông tin => hệ thông sẽ yêu cầu điền đủ thông tin và chỉ tiếp tục khi đủ thông tin  4.1 TH: Bệnh nhân chọn lịch không khả dụng => hệ thông sẽ thông báo và đề xuất các khung giờ và bác sĩ khác, bệnh nhân lụa chọn lại khung giờ khác  4.2 TH: Không còn lịch trống trong ngày => bệnh nhận sẽ được yêu cần chọn ngày khác  6.1 TH: bênh nhân không muốn đăng kí nữa => nhấn hủy đăng kí khám, bệnh nhân không được đưa vào danh sách chờ khám, trở về màn hình chính. |
| Luồng ngoại lệ |  |

* + 1. Lập phiếu khám

|  |  |
| --- | --- |
| Id | UC 002 |
| Tên UC | Lập phiếu khám |
| Vắn tắt | UC này được sử dụng bởi bác sĩ để tạo phiếu khám cho bệnh nhân sau khi tiến hành kiểm tra hoặc thăm khám bệnh. |
| Actor chính | Bác sĩ |
| Actor phụ |  |
| Tiền điều kiện | * Bệnh nhân phải có lịch hẹn khám hợp lệ (đăng ký online hoặc trực tiếp). * Bác sĩ đã xem thông tin lịch sử bệnh nhân và tiến hành kiểm tra bệnh. |
| Hậu điều kiện | * Phiếu khám được tạo thành công và lưu vào hệ thống. * Thông tin phiếu khám có thể được bệnh nhân tra cứu sau khi bác sĩ hoàn tất. |
| Luồng hoạt động chính | 1. Bác sĩ chọn bệnh nhân: Sau khi đăng nhập, bác sĩ chọn bệnh nhân dựa trên danh sách lịch hẹn hoặc tra cứu lịch sử bệnh nhân. 2. Kiểm tra tình trạng bệnh: Bác sĩ thực hiện khám bệnh, kiểm tra triệu chứng và ghi chú các thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe của bệnh nhân. 3. Lập phiếu khám: Dựa vào kết quả khám bệnh, bác sĩ điền các thông tin cần thiết vào phiếu khám, bao gồm: chẩn đoán, hướng dẫn điều trị, và các xét nghiệm (nếu có). 4. Xác nhận và lưu phiếu khám: Bác sĩ kiểm tra lại các thông tin trên phiếu khám, sau đó nhấn "Lưu" để hệ thống lưu phiếu khám này. |
| Luồng hoạt động thay thế | 2.1 TH: Nếu không đủ thông tin bệnh nhân, hệ thống sẽ yêu cầu nhập thêm thông tin cần thiết trước khi tiếp tục lập phiếu khám.  4.1 TH: Nếu bác sĩ muốn sửa đổi nội dung phiếu khám sau khi lưu, có thể thực hiện chức năng sửa đổi trước khi hoàn tất quá trình khám. |
| Luồng ngoại lệ |  |

* + 1. Quản lý thuốc

|  |  |
| --- | --- |
| Id | UC 003 |
| Tên UC | Quản lý thuốc |
| Vắn tắt | UC này được sử dụng bởi Quản trị viên để quản lý thông tin về thuốc, bao gồm thêm mới, chỉnh sửa, và xóa các loại thuốc trong hệ thống, nhằm hỗ trợ bác sĩ trong quá trình tra cứu và kê đơn cho bệnh nhân. |
| Actor chính | Quản trị viên |
| Actor phụ |  |
| Tiền điều kiện | * Quản trị viên phải đăng nhập thành công vào hệ thống. * Phải có quyền quản lý và chỉnh sửa thông tin liên quan đến kho thuốc. |
| Hậu điều kiện | * Thông tin về các loại thuốc được cập nhật chính xác trong hệ thống. * Bác sĩ và các bên liên quan có thể tra cứu và sử dụng thông tin thuốc để hỗ trợ khám chữa bệnh |
| Luồng hoạt động chính | 1. Xem danh sách thuốc: Hệ thống hiển thị danh sách các loại thuốc hiện có trong hệ thống, bao gồm các thông tin như tên thuốc, số lượng, mô tả, và hạn sử dụng. 2. Thêm mới thuốc: Quản trị viên có thể thêm các loại thuốc mới vào danh sách bằng cách nhập thông tin chi tiết (tên thuốc, liều lượng, hướng dẫn sử dụng, hạn sử dụng, số lượng tồn kho,...). 3. Chỉnh sửa thông tin thuốc: Quản trị viên có thể chỉnh sửa thông tin của các loại thuốc đã tồn tại, bao gồm điều chỉnh số lượng hoặc cập nhật thông tin thuốc. 4. Xóa thuốc: Nếu thuốc không còn sử dụng hoặc hết hạn, quản trị viên có thể xóa thuốc khỏi hệ thống. |
| Luồng hoạt động thay thế | 3.1 TH: Nếu thông tin thuốc không đầy đủ hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo yêu cầu bổ sung hoặc sửa đổi.  4.1 TH: Nếu có lỗi khi chỉnh sửa, hệ thống sẽ không cho phép lưu thay đổi và yêu cầu kiểm tra lại thông tin. |
| Luồng ngoại lệ |  |

* + 1. Thống kê báo cáo

|  |  |
| --- | --- |
| Id | UC 004 |
| Tên UC | Thống kê báo cáo |
| Vắn tắt | UC được sử dụng bởi Quản trị viên để theo dõi thống kê của hệ thống |
| Actor chính | Quản trị viên |
| Actor phụ |  |
| Tiền điều kiện | * Quản trị viên phải đăng nhập thành công vào hệ thống. * Phải có quyền quản lý và chỉnh sửa thông tin liên quan đến kho dữ liệu |
| Hậu điều kiện | * Quản trị viên có thể xem và lọc thống kê. * Thông tin của các thống kê xuất ra chính xác. |
| Luồng hoạt động chính | 1. UC này bắt đầu khi Quản trị viên chọn chức năng “Thống kê báo cáo”. 2. Chọn loại thống kê cần xem xét. 3. Lựa chọn khoảng thời gian thống kê. 4. Hệ thống sẽ tự động tổng hợp dữ liệu từ các kho dữ liệu khác nhau theo tiêu chí đã chọn 5. Phân tích và hiển thị tuỳ theo loại dữ liệu. |
| Luồng hoạt động thay thế | 3.1 TH: Nếu người Quản trị chọn khoảng thời gian không phù hợp => hiển trị thông báo ”không phù hợp” và yêu cầu chọn lại.  4.1 TH: Nếu kho dữ liệu trống => hiển thị thông báo “kho dữ liệu trống” và quay lại bước 3  4.2 TH: Không thể truy xuất dữ liệu do lỗi kết nối hoặc lỗi hệ thống => Thông báo lỗi và khuyến nghị Quản trị viên thử lại sau một thời gian ngắn. |
| Luồng ngoại lệ |  |